TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:22/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30- 8 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Trọng Sơn
2. Bà Trần Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị L, sinh năm 1983.
Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: thôn N, xã M, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.
Nơi cư trú hiện nay: thôn B, xã P, huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.
2. Bị đơn: Anh Trần Minh T, sinh năm 1981.
Nơi cư trú: thôn N, xã M, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2018, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Đoàn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Minh T có quá trình tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002, đến năm 2007 thì đăng ký kết hôn, và được Uỷ ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/02/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẩn nên từ năm 2013 cho đến nay chị L bỏ vào nhà mẹ đẻ sinh sống. Nguyên nhân do tính tình hai vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả, đánh đập nhau. Chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Minh T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Ngân T, sinh ngày 30/4/2003 và Trần Anh K, sinh ngày 5/9/2010. Chị L trình bày hiện tại không có việc làm, phải trực tiếp chăm sóc ba mẹ đau ốm nên không có điệu kiện nuôi con chung nên chị đồng ý giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: chị Đoàn Thị L trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị không nợ tài sản của ai và không ai nợ tài sản của anh chị.

Tại bản tự khai, cũng như các lời trình bày tại các lần hòa giải anh Trần Minh T trình bày: anh đồng ý với lời trình bày của chị liên về quá trình, chung sống kết hôn. Tuy nhiên anh không đồng ý việc ly hôn với chị L. Tại phiên Tòa anh T không đồng với lời khai của chị L nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do anh T không chung thủy, thường xuyên đánh đập, bạo hành. Tuy nhiên anh T cho rằng vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Ngân T, sinh ngày 30/4/2003 và Trần Anh K, sinh ngày 5/9/2010. Tại phiên tòa anh T giữ nguyên quan điểm được nuôi các con chung và yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: anh Trần Minh T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị không nợ tài sản của ai và không ai nợ tài sản của anh chị.

Quá trình hòa giải các bên không thống nhất được các vấn đề về tình cảm và cấp dưỡng nuôi con chung

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Trần Minh T.

Về án phí: Chị Đoàn Thị L nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ các bên cung cấp, Tòa án xác định đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thủ tục pháp luật quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh

mâu thuẩn. Nguyên nhân do tính tình hai vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả. Tình trạng hôn nhân thực tế hiện các bên đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã mâu thuẩn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Ngân T, sinh ngày 30/4/2003 và Trần Anh K, sinh ngày 5/9/2010. Các con chung được anh T trực tiếp nuôi dưỡng từ năm 2013 cho đến nay và căn cứ trên nguyện vọng của các con chung Hội đồng xét thấy giao con chung cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với yêu cầu cấp dưỡng sau khi ly hôn: xét thấy chị L không có việc làm thu nhập ổn định nên Hội đồng xét thấy buộc chị L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng đối với mỗi con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự khai nhận không có tài sản chung, không nợ chung và các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[5] Về án phí: chị Đoàn Thị L phải chịu án phí theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xử cho chị Đoàn Thị L được ly hôn anh Trần Minh T

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Trần Thị Ngân T, sinh ngày 30/4/2003 và Trần Anh K, sinh ngày 5/9/2010 cho anh T trược tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Buộc chị L phải đóng góp cấp đưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) đối với mỗi con chung, cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi và đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Chị Đoàn Thị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không xem xét.

4. Về án phí: chị L nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn và 300.000 đồng tiền án phí cấp đưỡng nuoi con chung để sung vào công quỹ Nhà nước. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* chị L đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002174 ngày 17

tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn. Chị L còn phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/8/2018.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Anh Tuấn